

Số: 1676/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 04 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 399/TTr-STNMT ngày 28/8/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 và Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 (kèm theo danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (kèm theo quy trình).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau và Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai thủ tục hành chính và các quy trình đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 của Quyết định này theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VIC);
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (VIC);
- Sở Thông tin và Truyền thông (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: NN-TN, CCHC (Đời/118);
- Lưu: VT, M.A08/9.




**Lê Văn Sĩ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG  
LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**



Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
<b>I. Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 03/12/2019</b>			
1.	1.005741.00 0.00.00.H12	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2.	1.004141.00 0.00.00.H12	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	
3.	1.004356.00 0.00.00.H12	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
4.	1.004258.00 0.00.00.H12	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	
5.	1.004148.00 0.00.00.H12	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	
<b>II. Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10/8/2020</b>			
6.	1.004249.00 0.00.00.H12	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành

7.	1.004240.00 0.00.00.H12	 <p>định, phê duyệt phương án phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (Bảo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)</p>	chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường
----	----------------------------	---	---


**Tổng số danh mục có 07 thủ tục hành chính./.**


**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*




Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh”.</p> <p>2. Hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đăng ký tại địa chỉ website <a href="https://dangky.dichvucong.gov.vn/register">https://dangky.dichvucong.gov.vn/register</a> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <a href="http://dvcvt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh">http://dvcvt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh</a> (Sở Tài nguyên và Môi trường), nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, sau đây viết tắt là “Trực tuyến”.</p> <p>3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:                      - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.                      - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>						
1.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 03/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 60%), kể từ ngày nhận hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.	Không	- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội (Luật bảo vệ môi trường năm 2014); - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích


 <p>Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p>	<p>Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm.</p> <p>- Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải đề chủ dự án vận hành thử nghiệm: 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày kết thúc kiểm tra.</p> <p>- Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 ngày làm việc, trước khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.</p>	<p>giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>		<p>bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ);</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ);</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).</p>	<p>hợp theo mã hồ sơ "1.005741" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>
---	---	---	---	--	--	---


2.	 <p>Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ</p>	<p>Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul>	<p>Không</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.</li> </ul>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.008675" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>
----	--	--	---	--	---	---





		<p>đã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị, trong đó:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường: 24 ngày làm việc.</p> <p>- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày làm việc.</p>					
3.	<p>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học</p>	<p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó:</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường: 54 ngày.</p> <p>- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày.</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.</li> </ul>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.008682" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>





4.	 <p><i>Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại</i></p>	<p>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>+ Tôi đa là 18 ngày làm việc (cắt giảm 12/30 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tôi đa là 18 ngày làm việc (cắt giảm 07/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28%), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</p> <p>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</p>	<p>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p><i>Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Thu theo khoản 3, Điều 6 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (trích kèm theo).</i></p>	<p>- Luật bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh).</p>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004249” trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>
----	---	--	--	--	--	---	---


	<p>dự án thuộc Phụ lục II nhưng không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 18 ngày làm việc (cắt giảm 02/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 10%), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP, bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 15 ngày làm việc (cắt giảm</p>				
---	---	--	--	--	--

	 <p>05/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 25%), trong đó: Số Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc; + Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.</p>					
5.	<p><i>Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)</i></p> <p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Tối đa 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn xem xét chấp thuận về môi trường: Tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: + Sở Tài nguyên và Môi trường: 06 ngày làm việc. + Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 04 ngày làm việc.</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</p>	<p>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	Không	<p>- Luật bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004141” trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>

6.	 <p>Kiểm tra, xác nhận hoàn thành thủ tục công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p> <p>Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: 14 ngày làm việc (cắt giảm 01/15 ngày, tỷ lệ cắt giảm 07%), không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định (ủy quyền): Sở Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo vệ môi trường năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004356" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>
7.	<p><i>Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng</i></p> <p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: 25 ngày làm việc (cắt giảm 10/35</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và</li> </ul>	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Thu theo khoản 3, Điều 7 Quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo vệ môi trường năm 2014;</li> <li>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004240" trên Cổng</p>

 <p> <i>án báo cáo thiếp theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)</i> </p>	<p>         ngày, tỷ lệ cắt giảm (29%), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:       </p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sở Tài nguyên và Môi trường: 20 ngày làm việc;</li> <li>+ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</li> </ul>	<p>Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul>	<p>về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (trích kèm theo).</p>	<p>14/02/2015 của Chính phủ);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh.</li> </ul>	<p>dịch vụ công Quốc gia</p>
--	--	--	--	---	---	------------------------------

8.	 <p>Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản</p>	<p>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc (cắt giảm 05/10 ngày, tỷ lệ cắt giảm 50%), kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn xử lý hồ sơ: 30 ngày làm việc (cắt giảm 10/40 ngày, tỷ lệ 25%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian thành lập đoàn kiểm tra: 10 ngày làm việc.</p> <p>++ Sở Tài nguyên và Môi trường: 05 ngày làm việc;</p> <p>++ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian cấp giấy xác nhận: 15 ngày làm việc.</p> <p>++ Sở Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc;</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</p> <p>- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).</p>	<p>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	Không	<p>- Luật bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004258" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>
----	---	---	--	--	-------	---	---

	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.					
9. Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 08 ngày làm việc (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không	- Luật bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004148" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia

Tổng số danh mục có 09 thủ tục hành chính./.





Chú: Trích quy định mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh như sau:

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (khoản 3, Điều 6 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)				
		≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
1	Nhóm 1: dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2: dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3: dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4: dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Nhóm 5: dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6: dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7: dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất. Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu lần đầu.



2. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (khoản 3, Điều 7 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh  
 Mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh)

	<b>Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)</b>	<b>Mức phí thẩm định (triệu đồng)</b>
1	$\leq 10$	4
2	$>10$ đến $\leq 20$	6
3	$>20$ đến $\leq 50$	10
4	$>50$ đến $\leq 100$	18
5	$>100$ đến $\leq 200$	20
6	$>200$ đến $\leq 500$	26
7	$>500$	29,3

Mức thu phí thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường bằng 50% mức thu lần đầu.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**



*(Kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ môi trường cấp tỉnh</b>	<b>09</b>	<b>0</b>	<b>09</b>	<b>0</b>
1.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	X		X	
2.	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	X		X	
3.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	X		X	
4.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	X		X	
5.	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	X		X	

6.	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	X		X	
7.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	X		X	
8.	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	X		X	
9.	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	X		X	

**Tổng số danh mục có 09 thủ tục hành chính./.**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN  
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

---

**I. Lĩnh vực Bảo vệ môi trường cấp tỉnh**

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ**

**a) Thời gian giải quyết:**

- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị, trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: 24 ngày làm việc.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày làm việc.

**b) Quy trình giải quyết**

**b.1. Quy trình 1: Giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường**

**Bước 1:** Công chức trực tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử chuyển Phòng Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường để phân công xử lý hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

**Bước 2:** Lãnh đạo Phòng Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường phân công chuyên viên xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

**Bước 3:** Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ:

- Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ; dự thảo, trình phê duyệt, ban hành thông báo về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần: 04 ngày làm việc.

- Thực hiện thẩm định hồ sơ, dự thảo Tờ trình của Sở và dự thảo Giấy phép hoặc văn bản không cấp phép (có nêu rõ lý do không cấp phép), trình Lãnh đạo Phòng xem xét: 23 ngày làm việc.

**Bước 4:** Lãnh đạo Phòng Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra để trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc.

**Bước 5:** Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt Tờ trình, kèm theo dự thảo Giấy phép; chuyển Văn thư phát hành, lưu hồ sơ và gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5 ngày làm việc.

## **b.2. Quy trình 2: Giải quyết liên thông tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

**Bước 1:** Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày làm việc.

**Bước 2:** Công chức Phòng Nông nghiệp – Tài nguyên, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt: 05 ngày làm việc.

**Bước 3:** Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả xử lý theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

## **2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: 54 ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày.

### **b) Quy trình giải quyết**

#### **\* Quy trình 1: Giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường**

**Bước 1:** Công chức trực tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử chuyển Phòng Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường để phân công xử lý hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày.

**Bước 2:** Lãnh đạo Phòng Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường phân công chuyên viên xử lý hồ sơ: 0,5 ngày.

**Bước 3:** Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ:

- Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ; dự thảo, trình phê duyệt, ban hành thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện): 04 ngày.

- Tham mưu, tổ chức thẩm định hồ sơ, dự thảo Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường và dự thảo Giấy phép hoặc văn bản không cấp phép (có nêu rõ lý do không cấp phép), trình lãnh đạo Phòng Bảo vệ môi trường xem xét: 47 ngày.

**Bước 4:** Lãnh đạo Phòng Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra để trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt: 01 ngày.

**Bước 5:** Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt Tờ trình, kèm theo dự thảo Giấy phép; chuyển Văn thư phát hành, lưu hồ sơ và chuyển đến Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày.

**b.2. Quy trình 2: Giải quyết liên thông tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

**Bước 1:** Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý hồ sơ: 0,5 ngày.

**Bước 2:** Công chức Phòng Nông nghiệp – Tài nguyên, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt: 05 ngày.

**Bước 3:** Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả xử lý theo quy định: 0,5 ngày.

*\* Lưu ý: Để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi./.*